

Số : 1364/2022/EIB-TGD

TP.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM**

**1. Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**


- Mã chứng khoán: **EIB**
- Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: (028) 3827 9067; Fax: (028) 3821 6913
- Email: [vphdqt@eximbank.com.vn](mailto:vphdqt@eximbank.com.vn)
- Website: <https://www.eximbank.com.vn>

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 90/2022/EIB/NQT-HĐQT ngày 01/03/2022 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Eximbank.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/03/2022 tại đường dẫn <http://www.eximbank.com.vn/thongtinkhac>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật** 

**Tổng Giám đốc**

**Tài liệu đính kèm:**

- Quy chế CBTT của EIB ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/2022/EIB/NQT-HĐQT



**Trần Tấn Lộc**

Tp.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Số: 90../2022/EIB/NQ-HDQT

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Eximbank;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Eximbank ngày 15/02/2022;
- Căn cứ Tờ trình của Ban điều hành ngày 08/02/2022 “Về việc: Ban hành Quy chế về công bố thông tin của Eximbank”;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu của Văn phòng HĐQT ngày 28../02../2022.

**QUYẾT NGHỊ:**

- Điều 1.** Thông qua việc ban hành “**Quy chế Công bố thông tin của Eximbank**” đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nội dung trước đây trái với Nghị quyết này hết hiệu lực thực hiện.
- Điều 3.** Giao Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Văn phòng HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Lương Thị Cẩm Tú



Tp.HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2022

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 90../2022/EIB/NQ-HĐQT ngày 01../03/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (sau đây viết tắt là “Quy chế”) quy định về việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Người nội bộ của Ngân hàng, Giám đốc các Khối/Trung tâm tại Hội sở chính, Giám đốc các đơn vị trực thuộc và các Tổ chức, cá nhân khác có liên quan của Ngân hàng có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

##### 1. Đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- Người nội bộ của của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ;
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
- Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Ngân hàng;
- Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
- Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Ngân hàng.

2. **Người nội bộ** bao gồm: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký Ngân hàng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, Người được ủy quyền công bố thông tin



3. **Người có liên quan:** là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, khoản 28 Điều 4 Luật Các TCTD và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. **Ngày công bố thông tin:** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

5. **Ngày báo cáo:** là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

6. **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

7. **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;


d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

f) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

8. **Tổ chức niêm yết cổ phiếu:** là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

9. **Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp:** là tổ chức có trái phiếu doanh nghiệp phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

10. **Tổ chức đăng ký giao dịch:** là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán. 



11. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán.

12. **Công bố thông tin định kỳ:** là việc Ngân hàng công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.

13. **Công bố thông tin bất thường:** là việc Ngân hàng công bố thông tin trong một thời hạn nhất định được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật.

14. **Công bố thông tin theo yêu cầu:** là việc Ngân hàng công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

15. **Eximbank/Ngân hàng:** Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam.

16. **ĐHĐCĐ:** là Đại hội đồng cổ đông

17. **HDQT:** là Hội đồng quản trị

18. **UBCKNN:** là Ủy ban chứng khoán Nhà nước

19. **SGDCK:** là Sở Giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng thực hiện niêm yết.

20. **Website Eximbank:** là trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng tại địa chỉ <https://eximbank.com.vn>

21. **SGDCK Việt Nam:** là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.


#### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin công bố, chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Ngân hàng phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Ngân hàng khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Ngân hàng phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

5. Ngân hàng có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau 



a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu **10 năm**. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là **05 năm**;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là **05 năm**.

#### **Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

1. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

2. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo

#### **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Ngân hàng ủy quyền công bố thông tin.


a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Người thực hiện công bố thông tin có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất, theo yêu cầu và các thông tin khác cho cơ quan chức năng và báo chí theo quy định tại Quy chế này.

c) Ngân hàng phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo Mẫu 01 và Bản cung cấp thông tin theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân ủy quyền cho Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho Ngân hàng để Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

b) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo **Mẫu 02** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này. Ngân hàng thực hiện gửi Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật đến SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin trong lần công bố thông tin đầu tiên và thông báo chấm dứt việc ủy quyền trong lần công bố thông tin cuối cùng. 



## **Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử của Ngân hàng;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK Việt Nam và Công ty con của SGDCK Việt Nam;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).

2. Ngân hàng phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Ngân hàng khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Ngân hàng, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.


3. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

6. Ngân hàng không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

## **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Ngân hàng và các đối tượng có liên quan được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác nhưng phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin: 



2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng và các đối tượng liên quan phải thực hiện công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 9. Công bố thông tin định kỳ**

#### **1. Báo cáo tài chính năm**

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc:

a) Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm riêng lẻ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất có đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá **90 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

d) Khi công bố báo cáo tài chính, Ngân hàng phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ **10%** trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ **5%** trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Ngân hàng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản này trên cả cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Báo cáo tài chính bán niên**

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc:

a) Báo cáo tài chính bán niên bao gồm Báo cáo tài chính bán niên riêng lẻ và Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Ngân hàng.

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; ✓



c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá **60 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

d) Thực hiện yêu cầu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

### 3. Báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý bao gồm Báo cáo tài chính quý riêng lẻ và Báo cáo tài chính quý hợp nhất phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ".

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý chậm nhất là **ngày 30** của tháng liền kề quý báo cáo. Ngân hàng công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn **05 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá **45 ngày**, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Ngân hàng đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

d) Thực hiện yêu cầu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

### 4. Báo cáo thường niên

Ngân hàng phải lập báo cáo thường niên theo **Mẫu 04** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá **110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

### 5. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

### 6. Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

- Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Ngân hàng phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo **Mẫu 05** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.



- Thời hạn công bố chậm nhất là **ngày 30/07** (đối với báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm) và **ngày 30/01** năm tiếp theo (đối với báo cáo tình hình quản trị năm).

### **Điều 10. Công bố thông tin bất thường**

1. Ngân hàng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn **24 giờ**, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Ngân hàng tại các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Ngân hàng có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Ngân hàng hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;


e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f) Quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Ngân hàng; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng;

j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: 



- Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông thì Ngân hàng công bố thông tin trong thời hạn **10 ngày** đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

k) Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng). Đồng thời, Ngân hàng gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo **Mẫu 03** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này;

l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Ngân hàng căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.

m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng;

n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

o) Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p) Trường hợp Ngân hàng nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Ngân hàng, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng;

r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;


s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét;

u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

v) ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp (nếu có);

w) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). 



3. Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản Khoản 5 Điều 9 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nêu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

a) Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu **10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự hợp ĐHĐCĐ tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

c) Trong vòng **15 ngày** kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Ngân hàng gửi cho SGDCK các tài liệu sau: Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của Ngân hàng tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu của SGDCK TP.HCM hoặc tài liệu khác theo quy định của SGDCK Việt Nam và Công ty con của SGDCK Việt Nam từng thời kỳ; Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền và/hoặc các tài liệu khác theo quy định của SGDCK Việt Nam và Công ty con của SGDCK Việt Nam từng thời kỳ.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Ngân hàng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác


Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

### **Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Ngân hàng về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có) 



## **Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác**

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán khi thực hiện các hoạt động này.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Ngân hàng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên Website Eximbank, SGDCK, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn **10%** thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

## **Điều 13. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng**


1. Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại khoản 1, 4 và 5 Điều 9 Quy chế này;

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Ngân hàng phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

- Ngân hàng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Định kỳ 06 tháng, Ngân hàng phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn **05 ngày** làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo; 



c) Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo **Mẫu 06** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);

e) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Ngân hàng phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu **01 tháng** trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

f) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 11 Quy chế này.

#### **Điều 14. Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**

Ngân hàng khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 9, 10, 11 và 12 Quy chế này.

#### **Điều 15. Công bố thông tin về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước**

1. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu; công bố thông tin kết quả chào bán trái phiếu; công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường; công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo các quy định của pháp luật công bố thông tin về chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước.

2. Hình thức công bố thông tin của Ngân hàng phát hành trái phiếu

a) Ngân hàng phát hành trái phiếu công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo các hình thức sau:

- i. Văn bản giấy;
- ii. Văn bản điện tử;
- iii. Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng;
- iv. Đăng tải trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật.

b) Ngân hàng phát hành trái phiếu gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

#### **Điều 16. Công bố thông tin của Ngân hàng khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế**

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu, kết quả chào bán trái phiếu và công bố thông tin định kỳ theo các quy định của pháp luật công bố thông tin khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

#### **Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Ngân hàng, UBCKNN, SGDCK theo **Mẫu 07**



tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Ngân hàng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Ngân hàng, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo **Mẫu 08** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan hoặc nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Ngân hàng. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo **Mẫu 09** và **Mẫu 10** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu.

6. Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của Ngân hàng (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi tắt là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Ngân hàng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo **Mẫu 11** hoặc **Mẫu 12** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;



d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo **Mẫu 13** hoặc **Mẫu 14** tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này;

f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu Ngân hàng, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

#### **Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Khi được chào mua công khai, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan về chào mua công khai.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan**

1. Người đại diện theo pháp luật xem xét, quyết định việc ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc:

a) Xem xét, quyết định việc ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật (nếu cần thiết).



b) Phân công nhân sự thuộc Đơn vị công bố thông tin thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Ban hành Quy trình công bố thông tin để thực hiện Quy chế này, trong đó quy định cụ thể:

- Trình tự các bước và cách thức thực hiện; yêu cầu thời hạn; cơ chế kiểm tra giám sát tuân thủ khi thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin;

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc chuẩn bị và cung cấp đầy đủ, đúng hạn, đúng yêu cầu nội dung đối với từng vấn đề phải thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này để thực hiện công bố theo đúng quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, nhân sự; bảo đảm việc phối hợp tốt giữa các đơn vị, cá nhân có liên quan; việc kiểm tra, giám sát tuân thủ trong việc thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Quy chế này phù hợp quy định của pháp luật.

### 3. Đơn vị công bố thông tin:

a) Đơn vị công bố thông tin là đơn vị do Tổng giám đốc quyết định thành lập, đầu mối tổng hợp thông tin, giúp việc cho Tổng giám đốc và người thực hiện công bố thông tin của Ngân hàng.

b) Đơn vị công bố thông tin có các trách nhiệm sau:

- Tập hợp tất cả các thông tin công bố từ các Đơn vị và cá nhân cung cấp thông tin thuộc Ngân hàng và các yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Quản lý khung thời hạn công bố thông tin và bảo đảm việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn và nội dung yêu cầu; chủ động cảnh báo, nhắc nhở các Đơn vị và cá nhân cung cấp thông tin về thời hạn thực hiện công bố thông tin;

- Thực hiện kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin và bảo mật các thông tin khi tiếp nhận;

- Soạn thảo các văn bản công bố thông tin, chuyển cho người thực hiện công bố thông tin xem xét, phê duyệt và công bố thông tin kịp thời tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi và tổng hợp báo cáo về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.

- Chịu trách nhiệm đề xuất trình cấp có thẩm quyền xin gia hạn, sửa đổi nội dung hoặc hoãn công bố thông tin trong trường hợp không đáp ứng được việc gửi thông tin đúng thời hạn; liên hệ theo dõi và thúc đẩy quá trình xử lý cho đến khi có kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền;

- Các trách nhiệm khác do Tổng giám đốc phân công từng thời kỳ.

### 4. Đơn vị và cá nhân cung cấp thông tin:

- Chịu trách nhiệm chủ động cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn, đúng nội dung và biểu mẫu thông tin phải công bố thuộc lĩnh vực do đơn vị phụ trách cho Đơn vị công bố thông tin theo quy định;

- Thông báo ngay cho Đơn vị công bố thông tin biết và phối hợp khi phát sinh sự kiện phải công bố thông tin bất thường thuộc lĩnh vực do đơn vị mình phụ trách.



- Hỗ trợ, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin của Đơn vị công bố thông tin bảo đảm thông tin được công bố đúng hạn và đúng nội dung;
- Chịu trách nhiệm về nội dung và bảo mật các thông tin cung cấp;
- Các trách nhiệm khác do Tổng giám đốc phân công từng thời kỳ.

### **Chương III**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Điều khoản thi hành**

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy chế này trên toàn hệ thống.
2. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT xem xét, quyết định.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin mà chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này hoặc có các văn bản pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lương Thị Cẩm Tú**



## PHỤ LỤC

### DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Eximbank)

Mẫu	Tên
Mẫu 01	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (tổ chức)
Mẫu 02	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Cá nhân)
Mẫu 03	Bản cung cấp thông tin
Mẫu 04	Báo cáo thường niên
Mẫu 05	Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng
Mẫu 06	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
Mẫu 07	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu
Mẫu 08	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu
Mẫu 09	Báo cáo về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu
Mẫu 10	Báo cáo thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu
Mẫu 11	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
Mẫu 12	Thông báo giao dịch trái phiếu phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
Mẫu 13	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan
Mẫu 14	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/ trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan



Mẫu 01

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../GUQ-...

..., ngày... tháng...năm....

No: .../GUQ-...

..., month ... day...year.....

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin\*  
Power of the attorney to Disclose  
information\*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization with obligation to disclose information):**

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ *Trading name of organization, company:* .....
- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/ *Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund) .....*
- Mã chứng khoán/Securities code:
- Địa chỉ liên lạc/Address:
- Điện thoại/Telephone:..... Fax: ..... Email:.....- Website: .....

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”) /Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”):**

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): .....
- Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent residence:*
- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ *Position in the organization, company:*

**III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):**

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.
- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

*Party B, on behalf of Party A, is responsible to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.*



Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ *This Power of Attorney shall take effect from... until a written notice of revocation is submitted by .....(Name of organization, company/ Name of fund management company).*

**BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
PARTY A / LEGAL REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
(Signature, full name and seal)*

**BÊN B /PARTY B**

*(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)*

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin /*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information;*

*Ghi chú: Đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài, bên A là người đại diện theo pháp luật được thay thế bằng người đại diện theo thẩm quyền.*

*Note: For an organisation that is a foreign investor, party A is the legal representative instead of authorised representative.*



Mẫu 02

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../GUQ-...

..., ngày... tháng ...năm....

No: .../GUQ-...

..., month ... day ....year....

Giấy ủy quyền thực hiện công bố  
thông tin\*

Power of the attorney to Disclose  
information\*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of Public company/fund management company.

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”)** (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)/*Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is an individual investor with obligations to disclose information)*

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Quốc tịch/ *Nationality*:

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.): ....*

Ngày *Cấp/Date of issue* ..... Nơi *cấp/Place of Issue*.....

- Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ liên hệ/*Permanent residence/Address*:

- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN) *Trading Code (for foreign investors)*:

- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/*The securities trading accounts or depository accounts (if any)*:

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)**/ *Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”)*:

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ *In case an organization is designated, authorized to disclose information*:

- Tên tổ chức/ *Organisation’s name*:

- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Head office address (address)/tel/fax/email....

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp... nơi *cấp.../ Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents..., date of issue..., place of issue...*



- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin/*Name of the legal representative of that organisation/Name of authorized person of that organisation who is directly in charge of information disclosure:*

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin/*In case an individual is designated, authorized to disclose information:*

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):* .....

Ngày Cấp/*Date of issue....* Nơi cấp/*Place of issue...*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent residence/:*

- Số điện thoại/*Telephone number:*

- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác/*Occupation: .... at: .... working address:...*

- Chức vụ tại tổ chức, công ty nơi công tác/*Position in the organization/ company:*

### **III. Nội dung ủy quyền** (*Content of authorization*):

Bằng giấy ủy quyền này: Bên A ủy quyền cho bên B làm “Người công bố thông tin của bên A”. Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật/*By this authorization: Party A authorizes Party B to perform “information disclosure for Party A”. Party A shall provide information on share/fund certificate transactions to Party B and be responsible for the completeness, timeliness and accuracy of the information provided to Party B. Party B shall perform the obligations of information disclosure relating to the transactions of party A in accordance with the law.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/*This Power of Attorney shall take effect from .....* đến ngày/to..... hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A/*until a written notice of revocation is submitted by Party A.*

BÊN A /PARTY A  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

BÊN B /PARTY B  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)  
(Signature, full name and seal- in case of organisation)



Mẫu 03

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CIRRICULLUM VITAE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

....., ngày.... tháng ... năm.../....., day .... month .... year .....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name:

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): .....

Ngày cấp/Date of issue ..... Nơi cấp/Place of issue.....

6/ Quốc tịch/Nationality:

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ: ..... chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares ..... , accounting for ....% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant:

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.  
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.



St No	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relations hip with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*)  (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document s/ ID/Pass port/ Business Registrat ion Certificate)	Số Giấy NSH (* )/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of share s owne d at the end of the perio d	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Perce ntage of share s owne d at the end of the perio d	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reason s (when arising change s related to section s of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in posse sion of a NSH No. and other notes)
1		Nguyễn Văn A	xxxxxxx	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors		CMND ID	024123 456	17/12/2 015	HCM City's Public Securi ty	16 Võ Văn Kiệt, Distri ct 1, HCM C			01/01/2 020	15/05/2 020	Miễn nhiệm Dismiss ed	
1.0 1		Nguyễn Thị B	yyyyyy	Vợ wife		CMND ID Card No.	025123 456	11/05/2 016	HCM City's Public Securi ty	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Distri ct 1, HCM C			04/05/2 018			
1.0 2																
15		Nguyễn Văn C	zzzzzzz	Kế toán trưởng Chief Accountant		CMND ID Card No.	020123 456	11/02/2 011	Public Securi ty				14/03/2 020		Bổ nhiệm Appoint ed	
15. 2 5		Nguyễn Thị D		Con Child												No ID Card
15. 2 6		Công ty Cổ phần ABC		Tổ chức có liên quan Related organization		GCNDK D N Business Registrat ion Certificate	301234 56	15/10/2 014					15/04/2 020		Bổ nhiệm Appoint ed	Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC Board member

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any):

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)



Mẫu 04

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

**NGÂN HÀNG TMCP**  
**XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

No: .../BC-....

..., month... day... year...

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT**  
**Thường niên năm /Year**

Kính gửi:

To:

**I. Thông tin chung/General information**

**1. Thông tin khái quát/General information**

- Tên giao dịch/*Trading name*:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:
- Vốn điều lệ/*Charter capital*:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*:
- Địa chỉ/*Address*:
- Số điện thoại/*Telephone*:
- Số fax/*Fax*:
- Website;
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*:
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).
- Các sự kiện khác/ *Other events*:

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus**

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.



- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure.*

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:* (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).*

#### 4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. Các rủi ro/*Risks:* (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

### 2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management:* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management in the year).*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments:* Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*



b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/ Indicators</b>	<b>Năm/ Year X-1</b>	<b>Năm/ Year X</b>	<b>% tăng giảm/ % change</b>
<p><i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản/<i>Total asset</i></p> <p>Doanh thu thuần/<i>Net revenue</i></p> <p>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i></p> <p>Lợi nhuận khác/<i>Other profits</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/<i>Profit before tax</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/<i>Profit after tax</i></p> <p>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/<i>Payout ratio</i></p> <p><i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản/<i>Total asset value</i></p> <p>Doanh thu/<i>Revenues</i></p> <p>Thuế và các khoản phải nộp/<i>Taxes and payables</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/<i>Before tax profit</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/<i>After tax profit</i></p>			

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

<b>Chỉ tiêu/ Indicators</b>	<b>Năm/ Year X-1</b>	<b>Năm/ Year X</b>	<b>Ghi chú/Note</b>
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u></p>			



<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</i>  + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)  + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>			
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>  + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>  Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)  + Vòng quay tổng tài Sản/<i>Total asset turnover:</i>  Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p>			
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i>  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)  + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)</p>			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

<b>Chỉ tiêu/ Indicators</b>	<b>Năm/ Year X-1</b>	<b>Năm/ Year X</b>	<b>Ghi chú/Note</b>
1. <i>Quy mô vốn/Capital size</i>			
- <i>Vốn điều lệ Charter Capital</i>			
Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			



Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*



6.2. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.3. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.4. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.5. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty /the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. *Tình hình tài chính/Financial Situation*

a) *Tình hình tài sản/Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

b) *Tình hình nợ phải trả/Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*



- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

#### **V. Quản trị công ty/Corporate governance**

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Activities of the Board of Directors independent members. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors' subcommittees: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.



## 2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results*).

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công



ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ....;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CÔNG TY

**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S**

**LEGAL REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*(Signature, full name and seal)*



Mẫu 05

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**NGÂN HÀNG TMCP**  
**XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-...  
No: .../BC-...

..., ngày... tháng... năm....  
..., month... day... year...

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng/năm)**  
**(6 months/year)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company:
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:
- Điện thoại/Telephone: Fax: Email:
- Vốn điều lệ/Charter capital:
- Mã chứng khoán/Stock symbol:
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:



Stt No.	Thành viên HDQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HDQT độc lập, TVHDQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Các cuộc họp HDQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HDQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HDQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm )/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee	Trình độ chuyên môn Qualification
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự Number of	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp Reasons for absence



	<i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	<i>meetings attended</i>	<i>Attendance rate</i>	<i>Voting rate</i>	
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
	Ông/ Bà Mr./Ms.			

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

##### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng	Chức vụ tại công ty (nếu	Số Giấy NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/	Thời điểm bắt đầu là	Thời điểm không	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan



Name of organization/individual	khoản(nếu có) Securities trading account (if any)	có Position at the Company (if any)	, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Addresses	người có liên quan Time of starting to be affiliated person	còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	với công ty/ Relationship with the Company

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Addresses	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).



3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, General Director have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest-years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and other managers as a member of Board of Directors, General Director or CEO.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers.*

### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	(Tên người)							



	nội bộ/ <i>Name of internal person</i> )						
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated persons</i>						
	...						
2							

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT ,...
- Archived: ...

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

*(Sign, full name and seal)*



Mẫu 06

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**  
**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

**NGÂN HÀNG TMCP  
 XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

.....  
 ..., ngày ... tháng... năm....  
 ..., day...month... year....

**BÁO CÁO**

**Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp**

**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
 - Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
 - The Stock Exchange.

**I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments**

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...)/Reporting period from... to....

TT No	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
				Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	1 năm/ one year								
2	2 năm/ 2 years								

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: in case of default, State the reasons

**II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors**

(Kỳ báo cáo từ ngày ... đến ngày...) Reporting period from ...to....

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage
<b>I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors</b>						



1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>						
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài/<i>Foreign investors</i></b>						
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá Nhân/ <i>Individual investors</i>						
<b>Tổng/ <i>Total</i></b>						

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/*Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN  
HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM/  
CONFIRMATION BY THE LEGAL REPRESENTATIVE OF  
VIETNAM EXPORT IMPORT COMMERCIAL JOINT  
STOCK BANK**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(Sign, full name and seal)



Mẫu 07

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU**  
**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS OR INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

-----

Số: ..../BC-....  
No: ..../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

-----

..., ngày... tháng... năm...  
..., month ... day ... year ...

**BÁO CÁO**

Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS,  
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of The public company/The fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư /*Name of individual/ organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact Address/ address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organisations:*



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares:*
- 3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned:*
- 4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/*At the securities company:*
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:*
- 6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:*
- 7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):*
- 8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates:*
- 9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*
- 10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:*

**Nơi nhận:**  
**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN  
ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO  
REPORT AND DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)  
(Signature, full name and seal - if any)*



**Mẫu 08**

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5%  
TRỞ LÊN CỔ PHIẾU**  
**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING  
5% OR MORE OF SHARES**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

-----

Số: ..../BC-....  
No: ..../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

..., ngày... tháng... năm....  
..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu**  
**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING  
5% OR MORE OF SHARES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund  
management company,

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/orgamsation*

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*:

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated individual/organisation*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*:



- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position in the public company/fund management company (if any):*
- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization:*
- 3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned:*
- 4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point: Tại công ty chứng khoán/in the securities company:*
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction:*
- 6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1 %)/ *Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%):*
- 7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction:*
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person:*
- 9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction:*
- 10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change:*
- 11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/*Trading day changes the ownership percentage:*
- 12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any):*

**Nơi nhận:**  
**Recipients:**

- ....;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - if any)



Mẫu 09

**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU**  
**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES**

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN  
COMPANY'S NAME/NAME

-----

Số: ..../BC-....

No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

Về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý các quỹ đóng.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: (thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin)/We are (information about the designated organisation /individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/ Name of individual/organisation	Số Giấy NSH* Owner's Certificate number *	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address of Head office (Permanent address)/tel/fax/email
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address		
a) Tên tổ chức/Name of organisation:		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full name of legal representative /list of authorized individuals:		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc):/In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, contact address)		



Ghi chú NSH\*: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.

Note: Owner's Certificate\*: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisations: License of establishment and operation/business registration certificate /equivalent legal document.

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign investors:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of affiliated foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/ Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors to become or be no longer major shareholders/investors:

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Details of the securities trading situation of members leading to the group of affiliated foreign investors becoming or being no longer major shareholders/investors

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated foreign investors conducting the transaction	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Securities trading account	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities depository account No.	Trước giao dịch /Before trading		Sau giao dịch /After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/ bán) Number traded (Buy/ sell)
				Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Owners hippercentage	Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Owner ship percentage	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8> (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The report is made when the group member's transactions change the group's ownership percentage to become or to be no longer a major shareholder/investor;

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members



- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Date of becoming or being no longer major shareholder/investor:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/In case of an individual:

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền/ Full name, signature of authorized individual: \_\_\_\_\_

- Trường hợp là tổ chức/In case of an organisation:

Tên tổ chức được chỉ định/Name of designated organisation: \_\_\_\_\_

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) (Full name, signature of authorized representatives and seal - if any) \_\_\_\_\_

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/Reporting date



Mẫu 10

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU**  
**REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES**

**NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

No: .../BC-....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ động lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
 - Sở Giao dịch Chứng khoán;  
 - Tên Công ty đại chúng Công ty quản lý các quỹ đóng.  
 To: - The State Securities Commission;  
 - The Stock Exchange;  
 - Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: (thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin/We are: (information about the designated organisation/individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/ <i>Nam of individual/organ isation</i>	Số Giấy NSH* /Owner's Certificate number	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/ <i>Address of Head office (Permanent address) /tel/fax/email</i>
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/ <i>In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address</i>		
a) Tên tổ chức/ <i>Name of organisation:</i>		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/ <i>Full name of legal representative /list of authorized representatives:</i>		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/ <i>In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, permanent address):</i>		



Ghi chú NSH\*: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.

Note: Owner's Certificate\*: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisation: License of establishment and operation/business registration certificate/equivalent legal document.

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign Investors:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of affiliated foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/Trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/ Name of shares/closed ended fund certificates/securities code owned as reporting object:

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên trong nhóm, dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/Detailed information on the securities trading situation of the group members, leading to the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the threshold of one percent (1%)

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated foreign investors conducting the transaction	Tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities trading account	Tài khoản lưu ký chứng khoán/Securities depository account	Trước giao dịch/Before trading		Sau giao dịch/After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/bán) Number traded (Buy/sell)
				Số lượng sở hữu/Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Owner ship percentage	Số lượng sở hữu/Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/Owner ship percentage	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								



Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1 %); *The report is made when group members' transactions lead to the group's ownership percentage exceeding thresholds of one percent (1 %)*

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/*The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members*

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/*Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account*

6. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/*Date of changing the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):*

7. Các thay đổi quan trọng khác nếu có/*Other significant changes (if any):* Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/*We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct,*

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/*Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information*

- Trường hợp là cá nhân/*in case of an individual:*

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền/*Full name, signature of authorized individual: \_\_\_\_\_*

- Trường hợp là tổ chức/*In case of an organisation:*

Tên Tổ chức được chỉ định/*We of designated organisation: \_\_\_\_\_*

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) /*(Full name, signature of authorized representatives and seal - if any)*

Chức danh/*Title:*

Ngày thực hiện/ *Reporting date*



Mẫu 11

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED  
PERSONS OF INTERNAL PERSON**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

-----

Số: ..../BC-....

No: ..../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

-----

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day ..... year ....

**THÔNG BÁO**

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED  
PERSONS OF INTERNAL PERSON**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng  
khoán.
- To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund  
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*
- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax:..... Email:..... Website:.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*
- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*



- Điện thoại liên hệ/*Telephone*: ..... Fax: ..... Email: .....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*:
- Môi quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)*:
- 3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*:  
Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants)*:
- 4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above*: ..... tại công ty chứng khoán/*In the securities company*: .....
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*:  
Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm *\*/Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants \**;
- 6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap*:  
- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap*:  
- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*:
- 7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value)*.  
Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants)*:
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction*:
- 9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction*:
- 10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction*:
- 11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time*: từ ngày/*from*.... đến ngày/ *to* ....  
\* Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ *Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice*:

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT,...
- Archived:.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal -if any)



Mẫu 12

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN INCONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

-----

Số: ..../BC-....  
No: ..../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

..., ngày... tháng... năm....  
..., month ... day ..... year ....

**THÔNG BÁO**

**Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp /*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax:..... Email: ..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of Internal person of the public company/public*



*fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Môi quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above:.....* tại công ty chứng khoán/*In the securities company: .....*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bonds owned:*

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi)/*Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds):*

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Proportion of executing rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading):*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch/ *Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered for trading:*

9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến / *Expected transferred value:*

10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number*



*of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:*

11. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* từ ngày/*from*.... đến ngày/*to*....

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ....;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING  
ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)*

*(Signature, full name and seal -if any)*



Mẫu 13

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

No: .../BC-....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao (*tied*Information on individual/organisation conducting the transaction:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/*position at the public company, the fund management company on the registration date (if any):* ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):*

\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*This item*



is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/Information on the internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone: ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code:

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Underlying securities code (in case of covered warrants):

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3: ..... tại công ty chứng khoán/In securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants):

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:



7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*.

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inher it/transfer/be transferred/swap)*:

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded*:

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*the value of executed transaction (calculated based on par value)*:

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price)*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction*:

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person*:

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/*Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants \**:

11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*:

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time*: từ ngày/*from*..... đến ngày/*to*.....

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*:

\*/: *Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results*:

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ....;

- Lưu: VT, ...

- Archived:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

*(Signature, full name and seal -if any)*



Mẫu 14

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ  
PHIẾU/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS; RIGHTS TO BUY  
SHARES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF  
INTERNAL PERSON**

**NGÂN HÀNG TMCP  
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

-----

Số: ..../BC-....

No: ..../BC-....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

-----

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi của người  
nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO  
BUYSHARES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIA TED PERSON  
OF INTERNAL PERSON**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng  
khoán.
- To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund  
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting  
the transaction:*

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organlsation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,  
Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of  
ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation  
License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of Issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*

- Điện thoại/*Telephone:* .....*Fax:*.....*Email:*.....*Website:*.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty  
đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company  
(if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Position in the  
public company, the public fund management company on the date of trading registration (if any):* .....  
và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng,  
công ty quản lý quỹ: ..... (nếu rõ lý do) *\*/and on the date when he/she is no longer an internal person*



or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company (specify the reason) \*:

(\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng/This item is only for cases when the deadline of the trading registration is unexpired, the person subject to registration is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund).

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/information on internal person of the public company/public fund is the affiliated person of the individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone:

Fax:

Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction:...

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3: ..... tại công ty chứng khoán/in the securities company: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi /Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds:

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds):

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/ Number of rights to buy shares/ fund certificates/ convertible bonds before the transaction:

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares:

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:



- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/ *Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*

10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of traded rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ *Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/ *The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price):*

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:*

13. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction:*

14. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time:* từ ngày/ *from* ..... đến ngày/ *to*.....

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/ *The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):*

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/ *In case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT, ....
- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION /INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal -if any)*